

Bản án số: 242/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 29/7/2022

V/v: “Tranh chấp ly hôn, con chung”.

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

**Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:** Bà Trần Thị Thúy.

**Các Hội thẩm nhân dân:**

1. Ông Trần Văn Chánh – Cán bộ hưu trí.

2. Bà Huỳnh Thị Kim Kiên – Cán bộ Hội liên hiệp phụ nữ TP. B.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Bùi Thế Mạnh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Ông Nguyễn Trung Kiên - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 7 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B - tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 1378/2022/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 5 năm 2022, về việc “Tranh chấp ly hôn, con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 204/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 387/2022/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn: Bà Bùi Thị Thanh N, sinh năm 1992.**

Địa chỉ: Tổ 2, đường 3, ấp Phú T, xã Hiệp H, huyện Xuyên M, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

**Bị đơn: Ông Trịnh V, sinh năm 1989.**

Địa chỉ: 62/11, khu phố 9, phường Tân H, thành phố B, Đồng Nai.

(Bà N có đơn xin vắng mặt, ông V vắng mặt không có lý do)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện, bản tự khai nguyên đơn bà Bùi Thị Thanh N trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Sau một thời gian quen biết và tìm hiểu giữa bà và ông Trịnh V phát sinh tình cảm và quyết định đi đến hôn nhân. Vào năm 2019 ông bà có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường Tân H, thành phố B, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không có sự cưỡng ép.

Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông V thường xuyên ăn nhậu, ham chơi, không quan tâm đến gia đình. Bà đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông V vẫn không thay đổi, thời gian về sau từ

c cuối năm 2021 bà và con chung thứ hai đã chuyển về sinh sống bố mẹ bà tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu, hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Nay xét thấy, mâu thuẫn giữa hai vợ chồng đã hết sức trầm trọng không còn khả năng hàn gắn, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích xây dựng cuộc hôn nhân không đạt được. Vì vậy, bà làm đơn này đề nghị Tòa án xem xét giải quyết cho bà được ly hôn với ông V để hai bên ổn định cuộc sống.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có 02 con chung tên Trịnh Bùi Thiên P, sinh ngày 20/02/2020 và Trịnh Bùi Linh N, sinh ngày 11/6/2021. Ly hôn, bà đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu N, đề nghị giao cháu P cho ông V chăm sóc, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

**\* Tại bản tự khai ngày 20/5/2022 bị đơn ông Trịnh V trình bày:**

Về thời gian kết hôn, quá trình chung sống như bà N trình bày là đúng, trong thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông ham chơi, ăn nhậu, không lo cho vợ con nên từ cuối năm 2021 hai vợ chồng sống ly thân cho đến nay. Tuy nhiên, ông vẫn còn tình cảm với bà N nên không muốn ly hôn.

Về con chung: Trong thời gian chung sống ông bà có 02 con chung tên Trịnh Bùi Thiên P, sinh ngày 20/02/2020 và Trịnh Bùi Linh N, sinh ngày 11/6/2021. Ly hôn, ông đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu P, đồng ý giao cháu N cho bà N trực tiếp chăm sóc, không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:**

Về thủ tục tố tụng: Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử, kể từ khi thụ lý vụ án là phù hợp, đúng với quy định của pháp luật. Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đầy đủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Xét cuộc sống vợ chồng của bà N, ông V không hạnh phúc, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, bà N yêu cầu ly hôn với ông V là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Giao con chung tên Trịnh Bùi Thiên P, sinh ngày 20/02/2020 cho ông V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Trịnh Bùi Linh N, sinh ngày 11/6/2021 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.
- Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Bà N phải nộp án phí theo quy định pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật, tư cách đương sự: Bà Bùi Thị Thanh N yêu cầu được ly hôn với ông Trịnh V, yêu cầu giải quyết con chung. Căn cứ vào Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự xác định quan hệ pháp luật tranh chấp của vụ án là “*Tranh chấp ly hôn, con chung*”; Bà Bùi Thị Thanh N là nguyên đơn, ông Trịnh V là bị đơn.

[2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Bà Bùi Thị Thanh N nộp đơn yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Trịnh V hiện đang cư trú thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Căn cứ khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết thuộc Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

[3] Về thủ tục tố tụng: Bà N có đơn xin xét xử vắng mặt, ông V đã được tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chỉ có mặt một lần vào ngày 20/5/2022 để làm bản tự khai sau đó không đến Tòa án làm việc nữa nên tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà N, ông V theo quy định tại Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Bùi Thị Thanh N và ông Trịnh V kết hôn trên cơ sở tự nguyện và đã được Ủy ban nhân dân phường Tân H cấp giấy chứng nhận kết hôn số 139/2019 ngày 08/7/2019 nên áp dụng Điều 8, Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định là hôn nhân hợp pháp. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng sau một thời gian thì vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn trong vấn đề tình cảm, tài chính. Bên cạnh đó quan điểm sống của hai vợ chồng không đồng nhất, vì vậy thường xuyên cãi vã, không tôn trọng lẫn nhau. Nay bà N xác định không còn tình cảm nên xin được ly hôn với ông V.

Tại bản tự khai ngày 20/5/2022 ông V cũng xác nhận cuộc sống hai vợ chồng đã mâu thuẫn từ lâu, nguyên nhân là do ông ham chơi, không quan tâm đến vợ con, thường xuyên ăn nhậu nên từ khoảng cuối năm 2021 thì hai vợ chồng đã sống ly thân cho đến nay. Tuy nhiên ông không đồng ý ly hôn do vẫn muốn hàn gắn để vợ chồng đoàn tụ nhưng lại không đưa ra được phương án nào để vợ chồng hàn gắn.

Tòa án sau đó đã nhiều lần tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập ông V đến Tòa án tham gia hòa giải và tham gia phiên tòa nhưng ông V vẫn vắng mặt không lý do, không có ý kiến phản hồi thể hiện việc ông V không tích cực trong việc hòa giải, hàn gắn quan hệ vợ chồng, không thiết tha cuộc sống hôn nhân với bà N. Qua kết quả xác minh tại nơi cư trú ngày 31/5/2022 tại Ủy ban nhân dân phường Tân H thì địa phương không nắm rõ mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N và ông V.

Từ đó cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng bà N và ông V là có thật, đều được các bên thừa nhận, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà N, giải quyết cho bà N được ly hôn với ông V để trả tự do cả hai là phù hợp.

- [5] Về con chung: Bà N và ông V đã thống nhất được về việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Cụ thể các bên đều đồng ý giao cháu Trịnh Bùi Thiên P, sinh ngày 20/02/2020 cho ông V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng; giao cháu Trịnh Bùi Linh N, sinh ngày 11/6/2021 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con. Tòa án ghi nhận sự thỏa thuận của các bên.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Bà N phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.  
*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 203, Điều 220, Điều 238, Điều 266, Điều 273 Bộ Luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 8, Điều 9, Điều 51, Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83, Điều 131 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

#### **Tuyên xử:**

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Bùi Thị Thanh N. Bà Bùi Thị Thanh N được ly hôn với ông Trịnh V.

2. Về con chung: Giao cháu Trịnh Bùi Thiên P, sinh ngày 20/02/2020 cho ông V trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; giao cháu Trịnh Bùi Linh N, sinh ngày 11/6/2021 cho bà N trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Tạm thời không ai phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà N, ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con khi cần thiết các bên được quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Không có, Tòa án không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Bà Bùi Thị Thanh N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) được khấu trừ tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tiền số 0002568 ngày 05/5/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B. Bà N đã nộp xong án phí.

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự TP. B;
- VKS TP B;
- Các đương sự.
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Thúy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thúy**

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Đồng Nai;
- VKS ND tỉnh Đồng Nai;
- T.H.A dân sự TP. Biên Hoà;
- VKS TP Biên Hoà;
- Các đương sự.
- UBND nơi đăng ký kết hôn
- Lưu HS, VP.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

**Trần Thị Thúy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Trần Thị Thúy**

**THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Thành Thị Thu Trang**